

Số: 31 /KH-UBND

Lục Ngạn, ngày 22 tháng 02 năm 2019

KẾ HOẠCH

Thực hiện cứng hoá đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Bắc Giang trên địa bàn huyện Lục Ngạn năm 2019

Căn cứ Kế hoạch số 3011/KH-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang “Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Bắc Giang quy định chính sách hỗ trợ cứng hoá đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2017- 2021”;

Căn cứ Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh năm 2019 và giai đoạn 2017-2019;

Căn cứ kết quả tổng hợp nhu cầu hỗ trợ xi măng phục vụ cứng hóa đường giao thông nông thôn năm 2019 theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, UBND huyện xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện cứng hóa đường giao thông nông thôn bằng nguồn hỗ trợ 100% xi măng của UBND tỉnh theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017, Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh Bắc Giang.

2. Yêu cầu

Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân huyện nghiên cứu, quán triệt tinh thần Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Bắc Giang; Kế hoạch số 3011/KH-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang “Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017, Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh, quy định chính sách hỗ trợ cứng hoá đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2017- 2021”; Thông báo số 02/TB-HĐND ngày 02/02/2018 của HĐND tỉnh Bắc Giang thông báo kết quả phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 01/2018; Thông báo số 65/TB-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang; Thông báo Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc kiểm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Bắc Giang và triển khai kế hoạch thực hiện năm 2019; căn cứ

điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để tổ chức thực hiện các nội dung kế hoạch này đạt hiệu quả.

Các ngành chức năng của huyện nghiên cứu, hướng dẫn UBND các xã, Ban Quản lý các thôn tổ chức thực hiện việc đầu tư xây dựng, nghiệm thu, thanh quyết toán vốn đầu tư theo quy định của tỉnh và pháp luật.

II. NỘI DUNG NHIỆM VỤ

Năm 2019, tổ chức thực hiện cứng hóa 394,3km (làm mới 392,1km; cải tạo, nâng cấp 2,2km) đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Bắc Giang. Khối lượng xi măng dự kiến cần hỗ trợ trong năm: 89.262 tấn. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách huyện cho các xã theo chiều dài (km) được cứng hóa và cước vận chuyển xi măng khoảng: 80 tỷ đồng.

(có biểu chi tiết kèm theo).

Hình thức hỗ trợ: UBND tỉnh hỗ trợ 100% xi măng cho các công trình, địa điểm giao nhận tại các nhà máy xi măng; hỗ trợ thêm 100 triệu đồng/km với các thôn đặc biệt khó khăn và các thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn theo Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh.

UBND huyện hỗ trợ 100% cước phí vận chuyển từ nhà máy xi măng và bốc xếp đến chân công trình cho nhân dân; hỗ trợ 150 triệu đồng/km cho tất cả các thôn thuộc các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã, khu vực II; hỗ trợ 100 triệu đồng/km với các thôn, khu phố còn lại trên địa bàn huyện. Đối với quy mô mặt đường bê tông rộng trên 3,5m, độ dày 20cm được hỗ trợ thêm bằng hệ số 01 nhân với tỷ lệ % quy mô bề rộng mặt đường tăng tương ứng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp tăng cường

- Đề nghị Huyện ủy chỉ đạo Đảng ủy địa phương các xã, thị trấn trong việc lãnh chỉ đạo thực hiện cứng hóa; gắn trách nhiệm của Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn trong việc thực hiện hoàn thành nhiệm vụ cứng hóa đường giao thông nông thôn theo kế hoạch đã đăng ký.

- Đề nghị các Ban xây dựng Đảng, UBMTTQ và các đoàn thể huyện tăng cường công tác tuyên truyền, vận động toàn thể nhân dân, coi đây là một cơ hội để cải thiện hệ thống hạ tầng giao thông nông thôn của huyện; xác định mục tiêu cải thiện hệ thống giao thông là điều kiện hàng đầu để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của nhân dân và của địa phương.

- Đề nghị các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy; các đồng chí Huyện ủy viên, Ủy viên UBND huyện được phân công phụ trách các xã, thị trấn thường xuyên đi thực tế cơ sở để kiểm tra, chỉ đạo kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện cứng hóa đường giao thông nông thôn.

- Đề nghị các doanh nghiệp đầu tư lớn trên địa bàn huyện; các doanh nghiệp kinh doanh xây dựng, dịch vụ thương mại có doanh thu lớn trên địa bàn hỗ trợ các xã vùng cao trong việc cứng hóa đường giao thông nông thôn.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng: chủ trì, phối hợp với các cơ quan: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính – Kế hoạch, Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu giúp UBND huyện và Ban Chỉ đạo huyện tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tiến hành khảo sát tình hình thực tế, tổng hợp số liệu, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND huyện có kế hoạch đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ xi măng kịp thời cho các địa phương để tổ chức triển khai thực hiện việc cứng hóa đường giao thông nông thôn.

- Kiểm tra nghiệm thu mặt bằng, vật liệu, kết quả huy động vốn đối ứng đối với các chủ đầu tư, nếu đủ điều kiện thì tham mưu UBND huyện điều hành việc cung ứng xi măng cho các xã, thôn, khu phố.

- Hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ chủ đầu tư thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

2.2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng, các cơ quan có liên quan, UBND các xã tổ chức thực hiện chương trình gắn với Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (không được dùng nguồn vốn hỗ trợ này thay cho nguồn vốn đối ứng của địa phương cho các chương trình, dự án khác), tổng hợp hàng tháng, báo cáo UBND huyện thông qua Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

2.3. Phòng Tài chính - Kế hoạch: chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND huyện giao vốn hỗ trợ xi măng, bố trí kinh phí để chi trả cước vận chuyển, bốc xếp xi măng, hỗ trợ kinh phí làm đường bê tông; hướng dẫn, hỗ trợ các xã, thị trấn lập hồ sơ thanh quyết toán các nguồn vốn theo đúng hướng dẫn kèm theo Kế hoạch số 3011/KH-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh.

2.4. Phòng Tài nguyên và Môi trường: chủ động tham mưu cho UBND huyện thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai; hướng dẫn, hỗ trợ các chủ đầu tư thực hiện công tác giải phóng mặt bằng các công trình theo quy định; tham mưu chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện kịp thời việc điều chỉnh đo đạc địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở các xã, thị trấn theo quy định.

2.5. Phòng Văn hoá và Thông tin, Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao: tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi, công khai các nội dung các Nghị quyết, Kế hoạch tới toàn thể nhân dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan biết và tổ chức thực hiện.

2.6. Các cơ quan, đơn vị liên quan khác: căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và Kế hoạch này, chủ động tham mưu cho UBND huyện thực hiện Kế hoạch theo này đạt hiệu quả cao nhất.

2.7. Đề nghị các Ban, cơ quan thuộc Huyện ủy: tích cực phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các cơ quan chuyên môn, tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy công tác

lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

2.8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện: chủ động xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể, gắn trách nhiệm cho các tập thể, cá nhân trong công tác phổ biến triển khai các Nghị quyết, Kế hoạch đến các hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân; đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các hội viên, đoàn viên và nhân dân tham gia ủng hộ việc giải phóng mặt bằng, đóng góp nguồn lực đối ứng theo quy định.

2.9. Các thành viên Ban Chỉ đạo huyện: căn cứ Kế hoạch và địa bàn được phân công phụ trách, thường xuyên kiểm tra, phối hợp, hỗ trợ các xã tổ chức thực hiện Kế hoạch đạt hiệu quả; kịp thời nắm bắt tổng hợp tình hình thực hiện tại cơ sở, báo cáo UBND huyện và Ban Chỉ đạo huyện theo quy định.

2.10. UBND các xã, thị trấn

- Chủ tịch UBND các xã chịu trách nhiệm trước UBND và Chủ tịch UBND huyện về kết quả tổ chức thực hiện kế hoạch này.

- Làm chủ đầu tư xây dựng các công trình để đại diện về pháp lý thay cho các thôn, khu phố; hiện quản lý đầu tư xây dựng theo hướng dẫn kèm theo Kế hoạch số 3011/KH-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh. Ký hợp đồng mua xi măng, hợp đồng vận chuyên, bốc xếp xi măng theo kế hoạch phân bổ của huyện cho các xã, thôn; thực hiện thanh lý hợp đồng, thanh quyết toán các nguồn kinh phí theo quy định; trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; liên hệ với Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện để giải quyết.

- Phối hợp chặt chẽ với Phòng Kinh tế và Hạ tầng trong việc vận chuyên, cung ứng xi măng phục vụ nhân dân.

- Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, nhân dân, các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội trên địa bàn, tạo sự đồng thuận của cán bộ, nhân dân, các thành phần kinh tế trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

- Cung cấp tài liệu, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện, giám sát các hoạt động đầu tư xây dựng các công trình cứng hóa đường giao thông nông thôn trên địa bàn theo quy định.

- Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện gửi về Phòng Kinh tế và Hạ tầng để tổng hợp, tham mưu UBND huyện chỉ đạo giải quyết.

2.11. Ban Quản lý thôn, khu phố

- Thành lập Ban Xây dựng đường giao thông để tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện cứng hóa đường giao thông nông thôn theo Kế hoạch; quản lý, đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn theo kế hoạch được phân bổ; thực hiện công khai, dân chủ, minh bạch trong việc huy động, quản lý và thanh quyết toán các nguồn vốn đối ứng của nhân dân theo quy định.

- Tự tổ chức giải phóng mặt bằng đầu tư xây dựng theo quy định và hướng dẫn tại Kế hoạch số 3011/KH-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với đường giao thông liên thôn trên địa bàn huyện Lục Ngạn năm 2019 theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017, Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh Bắc Giang. Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; hàng tháng báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện gửi về UBND huyện (qua Phòng Kinh tế và Hạ tầng) theo quy định./.

Nơi nhận: ✓

- Lưu: VT.

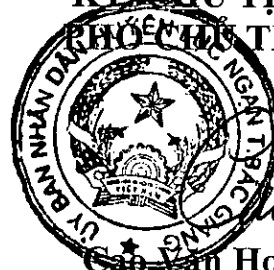
Bản điện tử:

- TT HU, TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Văn Hoàn

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
CỘNG HÒA ĐƯƠNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG THÔN THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 07 NĂM 2015
 (kèm theo Kế hoạch số 34/KH UBND ngày 22/02/2019 của UBND huyện)



STT	Tên địa phương cứng hóa	Đăng ký 2019 (Km)			Ghi chú
		Đổi mới	Cập mở rộng	Khối lượng xi măng (tấn)	
1	Tân Lập	70,056		15.917,30	
2	Biên Động	9,440		2.092,75	
3	Biên Sơn	7,225		1.601,71	
4	Đèo Gia	10,055		2.202,49	
5	Đồng Cốc	14,913		3.435,91	
6	Giáp Sơn	8,720		2.455,69	
7	Hộ Đáp	3,700		820,25	
8	Kiên Lao	10,280		2.278,97	
9	Kiên Thành	14,445		3.202,31	
10	Kim Sơn	7,375		1.634,96	
11	Mỹ An	19,706		4.419,20	
12	Nam Dương	10,960		2.429,72	
13	Phi Điền	1,950		590,65	
14	Phong Minh	1,230		272,68	
15	Phú Nhuận	8,430		1.868,85	
16	Phượng Sơn	7,440		1.695,93	
17	Quý Sơn	41,840	1,500	9.465,53	
18	Sa Lý	6,158		1.365,17	
19	Tân Hoa	7,280		1.642,41	
20	Tân Mộc	54,220		12.618,59	
21	Tân Quang	14,050		3.114,70	
22	Tân Sơn	10,310		2.285,62	
23	Thanh Hải	9,180		2.035,11	
24	Trù Hựu	10,750		2.539,93	
25	Cắm Sơn	14,505		3.215,61	
26	Hồng Giang	5,772	0,720	1.374,88	
27	Nghĩa Hồ	0,280		62,07	
28	Sơn Hải	5,520		1.223,73	
29	Phong Vân	6,312		1.399,31	
	Tổng	392,102	2,220	89.262	